

BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của Doanh nghiệp**

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Nguyên tắc xác định lương: Theo thời gian làm việc;
- Nguyên tắc xác định mức thưởng: Theo mức độ hoàn thành công việc

b) Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động: 15.774 triệu đồng
- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp: 1.767 triệu đồng

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Chính sách phân phối tiền lương: Người lao động được trả lương vào cuối tháng
- Chính sách phân phối tiền thưởng: (khi có quyết định bình bầu xếp loại lao động) Tiền thưởng sẽ được trả vào cuối năm.

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp**BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG
CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2021**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		Năm 2021
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
I	HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP: (HẠNG II)				
II	TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG				
1	Lao động	người	191	191	191
2	Mức tiền lương bình quân	1.000 đ/tháng	6.637	6.633	6.882
3	Quỹ tiền lương	triệu đồng	15.213	15.204	15.774
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	triệu đồng	1.900	1.642	1.760
5	Thu nhập bình quân	1.000 đ/tháng	7.466	7.349	7.650
II	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ				
1	Số người quản lý doanh nghiệp (tính b.quân)	người	7	7	7
2	Mức lương cơ bản bình quân	triệu đồng/tháng	21,7	21,3	21,0
3	Quỹ tiền lương	triệu đồng	1.824	1.786	1.767
4	Mức tiền lương bình quân	Triệu đồng/tháng	21,7	21,3	21,7

5	Quỹ tiền thưởng,				
6	Tiền thưởng, thu nhập	triệu đồng	132	32	40
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức q. lý	triệu đồng/tháng	23,3	21,6	21,5



Đặng Mạnh Dương

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 3 NĂM 2018-2020**

Năm báo cáo: Năm 2020

Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 3 năm (2018-2020)

Kết quả phục vụ tưới tiêu nước: Chất lượng, diện tích nước tưới tiêu đảm bảo theo đúng kế hoạch của

- UBND tỉnh giao.
- Doanh thu từ nguồn cấp bù miễn thủy lợi phí ổn định trong các năm.
- Lợi nhuận của công ty từ nguồn lãi ngân hàng và thi công làm B các công trình

Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Ước thực hiện năm báo cáo 2021
1	Diện tích cấp nước, tưới tiêu nước	Ha	50.840	49.625	49.625	44.499
-	Diện tích lúa	Ha	27.332	26.143	26.143	25.818
-	Diện tích màu, mạ, cây CN, cây vụ đông	Ha	10.140	10.543	10.543	3.387
-	Diện tích cây CN dài CN, cây ăn quả, cây dược liệu	Ha				1.996
-	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	4.290	4.652	4.652	4.692
-	Diện tích làm muối	Ha	515	439	439	422
-	Diện tích tiêu thoát nước khu vực nông thôn	Ha	8.563	7.848	7.848	8.184
2	Doanh thu	Triệu đồng	77.164	71.567	60.599	51.617
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.160	1.384	605	200
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	787	574	404	112
5	Tổng số lao động	Người	198	198	198	198
6	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	14.960	15.941	17.120	17.684
-	Quỹ lương quản lý	Triệu đồng	1.824	1.824	1.916	1.910
-	Quỹ lương lao động	Triệu đồng	13.136	13.989	15.204	15.774

Giao Thủy, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Đặng Mạnh Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI NĂM 2020

I. Một số chỉ tiêu về nhiệm vụ công ích

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với kế hoạch	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1	Diện tích cấp nước, tưới tiêu nước	Ha	49.625	49.625	100	100
	- Diện tích lúa	Ha	26.143	26.143	100	100
	- Diện tích màu, mạ, cây CN, cây vụ đông	Ha	10.543	10.543	100	100
	- Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	4.652	4.652	100	100
	- Diện tích làm muối	Ha	439	439	100	100
	- Diện tích tiêu thoát nước khu vực nông thôn		7.848	7.848	100	100
2	Khối lượng, sản phẩm dịch vụ công ích bị lỗi	Không có				
3	Số lượng, ý kiến phản hồi về dịch vụ công ích của công ty	Không có				
4	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	Tr.đồng	54.451	54.451	100	99
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	Tr.đồng	54.451	54.451	100	99

II. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường: Công ty phối kết hợp với hai huyện, hợp đồng giải tỏa với các HTX thực hiện giải tỏa thường xuyên theo kế hoạch, góp phần quan trọng cho công tác điều tiết nước phục vụ sản xuất, đảm bảo phòng chống thiên tai cùng với việc bảo vệ môi trường sinh thái xanh - sạch - đẹp. Kết quả thực hiện hàng năm, lượng bèo, rác được giải tỏa trên các tuyến kênh mương trong hệ thống khá lớn, lên tới hơn 1,877 triệu m²

2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội: Toàn thể cán bộ công nhân viên tham gia đóng góp các chương trình, quỹ do cấp trên phát động như đóng góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai; ủng hộ người nghèo, hiến máu nhân đạo...

3. Thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp: Thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng với các nhà thầu xây dựng, các đơn vị cung cấp vật tư, hàng hóa thiết bị.

4. Trách nhiệm bảo vệ lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng:

- Cung cấp đầy đủ nước cho sản xuất nông nghiệp, diêm nghiệp và nuôi trồng thủy sản theo hợp đồng.

- Thực hiện xây lắp công trình đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

5. Quan hệ tốt với người lao động: Công ty xây dựng mối quan hệ hài hòa với người lao động, phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, tạo điều kiện cho người lao động phát huy hết khả năng. Thực hiện tốt chế độ thăm hỏi, động viên đối với người lao động.

6. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích của người lao động trong doanh nghiệp: Lao động trong công ty được tạo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh lao động, được trang bị bảo hộ đầy đủ. Các chế độ về lương, thưởng và các khoản chi phúc lợi kịp thời đầy đủ theo chính sách pháp luật của Nhà nước. Thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

Giao Thủy, ngày 29 tháng 3 năm 2021



Đặng Mạnh Dương

BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC NĂM 2020**I. Thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức****1. Viên chức quản lý:****Biểu 1: Thông tin về tình hình quản trị và cơ cấu tổ chức doanh nghiệp**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh		Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm m nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
			Tại công ty	D N K				
I.	Chủ tịch công ty							
1	Nguyễn Trí Thiện (Nghỉ hưu từ tháng 7/2020)	1960	Chủ tịch		Kỹ sư	35 năm	Phó giám đốc - Giám đốc - Chủ tịch	Quy hoạch, chiến lược, kế hoạch
2	Đặng Mạnh Dương (Bổ nhiệm từ tháng 7/2020)	1967	Chủ tịch		Cử nhân		Chủ tịch	Quy hoạch, chiến lược, kế hoạch
II.	Giám đốc							
	Ngô Xuân Đăng	1963	Giám đốc		Kỹ sư	32 năm	Phó giám đốc - Giám đốc	Điều hành sản xuất KD
III.	Phó Giám đốc							
1	Nguyễn Văn Dũng	1962	Phó giám đốc		Kỹ sư	37 năm	Phó giám đốc	PT đội thi công công trình
2	Trần Văn Thuận	1972	Phó giám đốc		Thạc sỹ	31 năm	Phó giám đốc	Công tác tưới tiêu và công trình huyện Giao Thủy
3	Nguyễn Thanh Bình	1972	Phó giám đốc		Thạc sỹ	27 năm	Phó giám đốc	Công tác tưới tiêu và công trình huyện Xuân Trường
4	Đỗ Thị Yên	1982	Phó giám đốc		Thạc sỹ	14 năm	Phó giám đốc	Kế hoạch tưới tiêu nước
IV.	Kế toán trưởng							
	Nguyễn Viết Thu (Nghỉ hưu từ tháng 11/2020)	1960	Kế toán trưởng		Cử nhân	35 năm	Kế toán trưởng	Tài chính kế toán

2. Kiểm soát viên:

Ban kiểm soát gồm:

- Lê Thị Lan Phương: Trưởng phòng doanh nghiệp – Sở Tài chính
- Mai Hồng Diên – Phó phòng QLCT – Sở Nông nghiệp
- Nguyễn Thị Phương – Phó phòng Tài vụ - Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy (thời kiểm soát viên từ ngày 1/9/2020)
- Hoàng Tuấn Điệp - Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy.(Từ ngày 26/10/2020)

3. Thu nhập cán bộ quản lý và kiểm soát viên tại công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương (tr đồng)	Tiền thưởng (trđ)	Tổng thu nhập cả năm (trđ)
1	Nguyễn Trí Thiện (6 tháng)	Chủ tịch	150		150
2	Đặng Mạnh Dương (6 tháng)	Chủ tịch	150	6	156
3	Ngô Xuân Đăng	Giám đốc	288	6	294
4	Nguyễn Văn Dũng	Phó Giám đốc	252	5	257
5	Trần Văn Thuận	Phó Giám đốc	252	5	257
6	Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc	252	5	257
7	Đỗ Thị Yên	Phó Giám đốc	252	5	257
8	Nguyễn Viết Thu (10 tháng)(Nghỉ hưu)	Kế toán trưởng	190		190
9	Nguyễn Thị Phương (Từ đầu năm đến hết tháng 8)	Kiểm soát viên	29		29
10	Mai Hồng Diên	Kiểm soát viên	41		41
11	Hoàng Tuấn Điệp(từ tháng 10)	Kiểm soát viên	9		9
12	Lê Thị Lan Phương	Kiểm soát viên	50,4		50,4

II. Các quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với doanh nghiệp

Biểu số 2: Các quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với doanh nghiệp

TT	Số văn bản	tháng/năm	Nội dung
1	12/CT-UBND	01/2020	Chỉ thị việc tổ chức tết nguyên đán Canh Tý
2	143/KH-UBND	1/2020	Kế hoạch phòng chống hạn, xâm nhập mặn
3	129/CĐ-UBND	1/2019	Triển khai các biện pháp phòng chống hạn hán, thiếu nước
4	859/QĐ-UBND	4/2020	Phê duyệt kết quả tưới tiêu và kinh phí hỗ trợ giá dịch vụ thủy lợi năm 2019

5	42/KH-UBND	5/2020	Đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh 2019
6	1351/QĐ-UBND	6/2019	Phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ giá sản phẩm dịch vụ công ích
7	73/ QĐ-UBND	7/2020	Phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án Cải tạo và nâng cấp công Ngõ Đồng
8	2066/QĐ-UBND	8/2020	Giao kế hoạch sản xuất tài chính năm 2020 cho công ty
9	2410/QĐ-UBND	10/2020	Xếp loại doanh nghiệp Nhà nước
10	2600/QĐ-UBND	10/2020	Phê duyệt khối lượng công việc và diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021

Biểu số 3: Các Nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty

TT	Số văn bản	tháng/năm	Nội dung
1	02/QĐ-ĐU	10/3/2020	Chuẩn y kết quả bầu cử các chi bộ nhiệm kỳ 2020-2022
2	01/NQ-ĐU	25/3/2020	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý I phương hướng nhiệm vụ quý II
3	11/ QĐ-TN	24/4/2020	Thành lập ban chỉ huy PCTT &TKCN năm 2020
4	02/NQ-ĐU	20/5/2020	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý II phương hướng nhiệm vụ quý III
5	04/NQ-ĐU	25/9/2020	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý III phương hướng nhiệm vụ quý IV
6	94/ QĐ-TN	17/12/2020	Về việc nâng bậc lương cho người lao động

IV. Hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát thường xuyên giám sát công ty và có báo Kết quả hoạt động của kiểm soát viên không chuyên trách năm 2020 .

Trên đây là báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức năm 2020 của Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy.

Giao Thủy ngày 29 tháng 3 năm 2021



CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL XUÂN THỦY

MST: 0600138472

Số: 17/KH-TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Giao Thủy, ngày 29 tháng 03 năm 2021

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2020

- Diện tích cấp nước, tưới tiêu nước: 44.499,3 ha
- Doanh thu năm 2020 là: 60.599 triệu đồng. (trong đó doanh thu từ hoạt động khai thác công trình thủy lợi là: 54.451 triệu đồng, doanh thu từ đấu thầu thi công làm B là: 5.335 triệu đồng; doanh thu hoạt động tài chính 796 triệu đồng, doanh thu khác 17 triệu đồng)
- Tổng chi phí năm 2020: 59.994 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 605 triệu đồng (Từ hoạt động tài chính và thi công làm B)
- Nộp ngân sách Nhà nước: 404 triệu đồng

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2021

BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch
1	Kế hoạch cấp nước, tưới tiêu nước	Ha	44.499,12
-	Diện tích lúa	Ha	25.818,00
-	Diện tích màu, mạ, cây CN, cây vụ đông	Ha	3.387,12
-	Cây CN dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu	Ha	1.996,48
-	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	4.691,93
-	Diện tích làm muối	Ha	422,01
-	Diện tích tiêu thoát nước KV nông thôn và đô thị	Ha	8.183,58
2	Doanh thu	Triệu đồng	51.417
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	200
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	112



CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL XUÂN THỦY

MST: 0600138472

Số: *Al* /BC-XT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Giao Thủy, ngày 29 tháng 3 năm 2021

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SÁP XẾP ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NĂM 2020

Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Thoái vốn		Tiến độ thực hiện năm báo cáo							Tỷ lệ Nhà nước năm giữ sau sắp xếp, thoái vốn	Kế hoạch năm tiếp theo
		Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	Cổ phần hóa								
				Thành lập ban chỉ đạo	Đang xác định giá trị doanh nghiệp	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyet phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1	Tên hình thức		
Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy	x											Giữ nguyên công ty TNHH MTV

